

Bản án số: 32/2025/HS-ST
Ngày 26-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Yêm

Bà Hoàng Thị Tuyên

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 Toà án nhân dân Khu vực 2 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2024/TLST - HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/TLST - HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Lạng Sơn đối với bị cáo:

Họ và tên: TRẦN HẢI L; Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1985 tại xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang M (đã chết); con bà: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1959; chồng: Ma Hải Đ, sinh năm 1985; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: chưa bị kết án; công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố” với hình phạt tiền 2.000.000 đồng, cị cáo đã chấp hành xong, được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật. Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/5/2025 đến nay.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nông Quý H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh L, vắng mặt.

2. Bà Đoàn Phương T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh L, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thấy có nhiều người có nhu cầu vay mượn tiền, Trần Hải L, đã nảy sinh ý định cho nhiều người có nhu cầu vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày. Trần Hải L khi cho vay sẽ viết giấy vay mượn tiền hoặc giấy cầm đồ, không thể chấp giấy tờ, tài sản đảm bảo. Việc cho vay, nhận tiền được L và người vay thông qua tiền mặt hoặc chuyển khoản qua các tài khoản ngân hàng gồm: 02 (hai) tài khoản ngân hàng Agribank số 8408802031986 và số 8408205042047; 01 (một) tài khoản ngân hàng LP Bank số 063284510086 đều của Trần Hải L để chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng cho người vay hoặc nhận tiền lãi mà người vay chuyển đến, nếu tháng nào người vay chậm trả hoặc không trả tiền lãi thì tháng sau phải trả tiền lãi và không phát sinh lãi khác. Từ năm 2022 đến nay, Trần Hải L đã cho Nông Quý H và Đoàn Phương T vay tiền với lãi suất gấp 5 lần trở lên mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015 của khoản tiền vay, cụ thể:

Đối với Nông Quý H: Khoảng tháng 12 năm 2022, L cho H vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không thỏa thuận thời hạn trả tiền vay gốc, thống nhất trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng tính lãi của 30 ngày tương đương số tiền lãi là 4.500.000 đồng/tháng. Do H và L có quen biết từ trước và tin tưởng nhau nên khi vay tiền H không cần thế chấp gì mà chỉ làm “GIẤY CẦM ĐỒ” do L viết theo mẫu có sẵn và L đưa tiền mặt cho H. Hàng tháng H trả tiền lãi cho chi L bằng hình thức chuyển tiền bằng tài khoản từ số tài khoản 8408205075370 ngân hàng Agribank, tài khoản Viettelpay, tài khoản 0917918189 ngân hàng VPBank của H đến các số tài khoản 8408205042047 và tài khoản 8408802031986 của Ngân hàng Agribank, Tài khoản 063284510086 LPBank của Trần Hải L. Ngoài ra có vài lần thiếu tiền nên H đưa tiền mặt cho L theo số tiền lãi đã thỏa thuận. Từ khoảng tháng 12 năm 2022 đến tháng 11 năm 2024 tương ứng 22 tháng, H đã trả cho L với số tiền lãi là 99.000.000 đồng. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi hợp pháp mà L được hưởng là 18.082.350 đồng, số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là 80.917.650 đồng.

Từ tháng 11 năm 2024, do gặp khó khăn về kinh tế nên H đã thống nhất với L mỗi tháng sẽ trả lãi đối với khoản vay 50.000.000 đồng là 2.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất là 48%/năm đến khi hết nợ vay và trả dần tiền gốc. Đến hết tháng 04 năm 2025, H đã trả cho L 12.000.000 đồng tiền lãi và 15.500.000 đồng tiền gốc đối với khoản vay trên và hiện tại H vẫn đang nợ L 34.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi bất hợp pháp Trần Hải L thu của Nông Quý H đối với khoản vay nêu trên là 80.917.650

Đối với Đoàn Phương T: Ngày 27/7/2023, Đoàn Phương T vay Trần Hải L số tiền 470.000.000 đồng bao gồm 300.000.000 đồng tiền vay mới và 170.000.000 đồng là tiền vay nợ trước đó, cả hai thống nhất lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương lãi suất 109,5%/1 năm. Khi vay tiền T không cần thế chấp gì mà chỉ làm “GIẤY CẦM ĐỒ” do L viết theo mẫu có sẵn. Để trả tiền lãi hàng tháng T chuyển tiền cho L vào các số tài khoản 8408205042047 Agribank, Tài khoản 8408802031986 Agribank, Tài khoản 063284510086 LPBank của L.

Ngày 11/8/2023, T trả L số tiền 69.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi 16 ngày vay (từ 27/7/2023 đến ngày 11/8/2023) là 22.560.000 đồng, gốc vay là 46.440.000 đồng. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi hợp pháp mà L được hưởng là 4.120.584 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 18.439.416 đồng. Sau khi trừ đi nợ gốc, T còn nợ L 423.560.000 đồng. Ngày 23/8/2023, T trả L số tiền 12.000.000 đồng là tiền lãi vay 10 ngày (từ ngày 12/8/2023 đến ngày 21/8/2023) tương ứng số tiền 12.706.800 đồng, T nợ lại 706.080 đồng L tính tròn 700.000 đồng và cộng vào số tiền nợ gốc. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi hợp pháp mà L được hưởng là 2.320.897 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.379.103 đồng, T còn nợ L 424.260.000 đồng.

Ngày 08/9/2023, T trả lãi cho L số tiền 17.000.000 đồng là tiền lãi 18 ngày từ ngày 22/8/2023 đến ngày 08/9/2023 tương ứng số tiền 22.910.040 đồng, T nợ lại 5.910.040 đồng tính tròn 5.900.000 đồng và cộng vào số tiền gốc T đang nợ. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi hợp pháp mà L được hưởng là 4.184.519 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 18.715.481 đồng, T còn nợ L 430.160.000 đồng.

Từ tháng 09/2023 đến tháng 12/2023, do T không có điều kiện để trả tiền lãi cho L, nên L tính lãi của khoản vay 430.160.000 đồng trong vòng 92 ngày với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương ứng số tiền 118.724.160 đồng, làm tròn thành 118.240.000 đồng và cộng vào nợ gốc thành 548.400.000 đồng. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi hợp pháp mà L được hưởng là 21.684.967 đồng, số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là 96.555.033 đồng. Tính từ tháng 12 năm 2023 đến nay, Trần Hải L không tính lãi đối với khoản vay này của T, cả hai thỏa thuận và thống nhất hàng tháng T trả tiền gốc cho L từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt và T tự nguyện viết giấy chuyển nhượng mảnh đất do T đứng tên sở hữu cho Trần Hải L với giá là 548.400.000 đồng để đảm bảo khoản vay. Tổng cộng T đã trả cho L là 244.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ L số tiền 226.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bất hợp pháp Trần Hải L thu của Đoàn Phương T đối với khoản vay nêu trên là 144.089.032 đồng.

Tổng cộng, Trần Hải L đã cho Nông Quý H, Đoàn Phương T vay tổng số tiền là 520.000.000 đồng dưới hình thức lãi ngày với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương ứng với lãi suất là 109,5%/năm, vượt gấp 5

lần trở lên mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm thu lợi bất chính tổng số tiền là 225.006.682 đồng.

Lời khai của Nông Quý H, Đoàn Phương T là phù hợp với lời khai của bị can Trần Hải L, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Ngày 27/8/2025 bị cáo nộp 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/25E; số 0000160 và ngày 15/9/2025 bị cáo đã nộp 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*) theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/25E; số 0000255 tại Phòng thi hành án Khu vực 2 – Lạng Sơn để khắc phục hậu quả.

Cáo trạng số: 14/CT-VKSTĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 truy tố các bị cáo Trần Hải L, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 35 Bộ Luật hình sự. Xử phạt hình phạt chính là phạt tiền, mức phạt: Từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng

Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị Quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của HĐTPTAND Tối cao:

- Xác nhận bị cáo Trần Hải L đã trả lại cho người vay số tiền lãi vượt quá quy định, cụ thể:

+ Trả lại anh Nông Quý H 87.986.100 đồng (Tám mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi sáu, nghìn một trăm đồng); Trả lại chị Đoàn Phương T 40.934.000 đồng (Bốn mươi triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Trần Hải L phải nộp lại số tiền 293.139.900 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu, một trăm ba chín nghìn, chín trăm đồng), bao gồm tiền gốc và lãi hợp pháp cho vay để tích thu sung quỹ Nhà nước. Bị cáo đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự, khu vực 2 – Lạng Sơn, số tiền: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), truy thu tiếp số tiền: 193.139.900 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm đồng) đối với bị cáo.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ sau đây phải nộp số tiền để tích thu sung quỹ Nhà nước gồm:

+ Anh Nông Quý H phải nộp lại số tiền gốc là 34.500.000 đồng (Ba mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng).

+ Chi Đoàn Phương T phải nộp lại số tiền gốc là 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Các vấn đề khác đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của anh Nông Quý H và chị Đoàn Phương T. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Đoàn Phương T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, cả chị Đoàn Phương T và anh Nông Quý H đã có lời khai được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định: Từ tháng 12 năm 2022, Trần Hải L đã 02 lần cho vay lãi nặng đối với 02 người gồm Nông Quý H, Đoàn Phương T tổng số tiền là 520.000.000 đồng dưới hình thức lãi ngày 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương ứng với lãi suất là 109,5%/năm, vượt gấp 5 lần trở lên mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015 thu lợi bất chính tổng số tiền là **225.006.682 đồng**. Như vậy bị cáo Trần Hải L đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, hậu quả mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đúng, khó có khả năng trả nợ. Mặc dù bản thân bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do tư lợi cá nhân mà bị cáo xem thường pháp luật, bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng thay vì phải biết sống đặt mình vào khuôn khổ của pháp luật nhưng bị cáo lại chọn việc vi phạm pháp luật. Đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của bị cáo. Do cần có mức hình phạt

tương xứng để giáo dục, răn đe, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của việc phạm tội còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt mới tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hình sự, nhưng đã bị xử lý hành chính cụ thể: Ngày 05/4/2021 bị Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố” với hình phạt tiền 2.000.000 đồng, bị cáo đã chấp hành xong đến nay được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[6] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cáo; bị cáo nộp 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 để khắc phục hậu quả; bị cáo tự nguyện trả lại số tiền 40.933.842 đồng cho chị Đoàn Phương T và 87.986.100 đồng cho anh Nông Quý H; bị cáo có mẹ là Nguyễn Thị Liên tham gia dân công hỏa tuyến (Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8]. Đối với số tiền gốc và lãi xuất hợp pháp (mức lãi xuất 20%/năm) mà bị cáo cho vay với tổng số tiền là: 293.139.900 đồng (hai trăm chín mươi ba triệu một trăm ba chín nghìn chín trăm đồng), đây là số tiền phạm tội mà có nên cần tịch thu để nộp ngân sách nhà nước.

[9] Đối với số tiền lãi bất hợp pháp mà bị cáo thu được của người vay vượt mức lãi xuất 20%/năm là khoản tiền thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả lại anh Nông Quý H 87.986.100 đồng (bị cáo đã trả ngày 22/8/2025), trả lại chị Đoàn Phương T 40.934.000 đồng (bị cáo đã trả ngày 20/6/2025).

[10] Đối với số tiền gốc mà Trần Hải L cho anh Nông Quý H vay là 34.500.000 đồng (ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng); cho chị Đoàn Phương T vay là 226.000.000 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu đồng), mà anh Nông Quý H và chị Đoàn Phương T trả lại cho Trần Hải L cần phải truy thu của Nông Quý H và Đoàn Phương T để nộp ngân sách nhà nước.

[11] Đối với khoản vay 170.000.000 đồng mà Đoàn Phương T vay với Trần Hải L trước ngày 27/7/2023 cả hai đều xác nhận khoản vay này L chỉ tính lãi suất theo lãi suất ngân hàng với T nên không xem xét xử lý.

[12] Về vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) giấy cầm đồ của Nông Quý H với Trần Hải L; 01 (một) giấy cầm đồ của Đoàn Phương T với Trần Hải L; 01

(một) giấy chuyển nhượng đất mang tên Đoàn Phương T, quá trình điều tra truy tố xác định đây là vật chứng của vụ án, nhưng thực tế là tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quá trình phạm tội của bị cáo nên đã được đưa vào hồ sơ để lưu trữ theo quy định.

[13] Những gì khác với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử đều không được chấp nhận.

[14] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy áp dụng hình chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ để trừng trị bị cáo về hành vi do mình gây ra và răn đe nhưng ai có ý định phạm tội tương tự.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 35 Bộ Luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Hải L phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015.

2.Về hình phạt chính: Xử phạt Trần Hải L 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tại Phòng thi hành dân dân sự Khu vực 2 – Lạng Sơn theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/25E; số 0000160 số tiền: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/25E; số 0000255 số tiền: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

3. Biện pháp tư pháp:

3.1. Truy thu của Trần Hải L số tiền 293.139.900 đồng (hai trăm chín mươi ba triệu một trăm ba chín nghìn chín trăm đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

3.2. Truy thu của anh Nông Quý H số tiền 34.500.000 đồng (ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

3.3. Truy thu chị Đoàn Phương T số tiền 226.000.000 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu đồng), mà anh Nông Quý H và chị Đoàn Phương T chưa thanh

toán cho Trần Hải L cần phải truy thu của Nông Quý H và Đoàn Phương T để nộp ngân sách nhà nước để nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND KV2;
- CQ Điều tra CA tỉnh Lạng Sơn ;
- CQ THAHS tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THA DS KV 2 ;
- UBND xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Văn Bình